

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1291/QĐ-CTCP397

Mạo Khê, ngày 17 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân
và chuyên đề phụ nữ năm 2026**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Công ty cổ phần 397 Quy định về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Kế hoạch số 1207/KH-CTCP397 ngày 05/06/2026 của Công ty cổ phần 397 về việc “Kế hoạch khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026” ;

Căn cứ Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026 do Văn phòng lập ngày 11/06/2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 11/06/2026 của Văn phòng về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 12/06/2026 của Tổ thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Chánh văn phòng Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Khám sức khoẻ cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán

- Tên hạng mục công việc: Khám sức khoẻ cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397;

+ Địa chỉ: khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **254.269.900 đồng**

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm đồng).

(Đơn giá đã bao gồm thuế và các chi phí khác)

- Đơn vị lập dự toán: Văn phòng.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu: Khám sức khoẻ cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026.

- Giá trị gói thầu: **254.269.900 đồng.**

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm đồng).

(Đơn giá đã bao gồm thuế và các chi phí khác)

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu thông thường.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 06 năm 2026.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 30 ngày.

- Tuỳ chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Văn phòng, Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *hpr*

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Trung (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, VP. P04.

hu



Kiều Văn Sính

Phụ Lục I
DỰ TOÁN KHÁM SỨC KHOẺ CHO LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC, NHÂN VIÊN
NUÔI QUÂN VÀ CHUYÊN ĐỀ PHỤ NỮ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1291 /QĐ-CTCP397 ngày 17 tháng 6 năm 2026 của
Công ty cổ phần 397)

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành Tiền
A	LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC				202.666.600
I	Khám toàn diện				
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Người	160.000	254	40.640.000
II	Xét nghiệm huyết học				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	49.700	254	12.623.800
2	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiến đá)	Lần	42.100	254	10.693.400
III	Xét nghiệm sinh hóa máu				
1	Định lượng Glucose (Đường máu).	Lần	22.400	254	5.689.600
2	Định lượng Urê [Máu]	Lần	22.400	254	5.689.600
3	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	22.400	254	5.689.600
4	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	22.400	254	5.689.600
5	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	28.000	254	7.112.000
6	Định lượng Triglycerid [Máu]	Lần	28.000	254	7.112.000
7	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28.000	254	7.112.000
8	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28.000	254	7.112.000
9	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	22.400	254	5.689.600
10	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	22.400	254	5.689.600
IV	Xét nghiệm nước tiểu				
1	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Lần	28.600	254	7.264.400

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành Tiền
V	Các thăm dò chức năng:				
1	Điện tim thường	Lần	39.900	254	10.134.600
2	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số) 1 vị trí	Lần	77.300	254	19.634.200
3	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Lần	58.600	254	14.884.400
VI	Chẩn đoán ung thư sớm				
1	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Lần	95.300	254	24.206.200
B	CHUYÊN ĐỀ PHỤ NỮ				40.669.200
I	Khám toàn diện				
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Người	160.000	36	5.760.000
II	Xét nghiệm huyết học				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	49.700	36	1.789.200
2	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên đá)	Lần	42.100	36	1.515.600
III	Xét nghiệm sinh hóa máu				
1	Định lượng Glucose (Đường máu).	Lần	22.400	36	806.400
2	Định lượng Urê [Máu]	Lần	22.400	36	806.400
3	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	22.400	36	806.400
4	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	22.400	36	806.400
5	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	28.000	36	1.008.000
6	Định lượng Triglycerid [Máu]	Lần	28.000	36	1.008.000
7	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28.000	36	1.008.000
8	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28.000	36	1.008.000
9	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	22.400	36	806.400
10	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	22.400	36	806.400

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành Tiền
IV	Xét nghiệm nước tiểu				
1	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Lần	28.600	36	1.029.600
V	Các thăm dò chức năng				
1	Điện tim thường	Lần	39.900	36	1.436.400
2	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số) 1 vị trí	Lần	77.300	36	2.782.800
3	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Lần	58.600	36	2.109.600
4	Siêu âm tuyến vú 2 bên.	Lần	58.600	36	2.109.600
5	Soi cổ tử cung (bằng máy soi màu).	Lần	68.100	36	2.451.600
VI	Chẩn đoán ung thư sớm				
1	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	Lần	156.200	36	5.623.200
2	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	Lần	144.200	36	5.191.200
C	NHÂN VIÊN NUÔI QUÂN				10.934.100
I	Khám toàn diện				
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Người	160.000	9	1.440.000
II	Xét nghiệm huyết học				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	49.700	9	447.300
2	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiến đá)	Lần	42.100	9	378.900
III	Xét nghiệm sinh hóa máu				
1	Định lượng Glucose (Đường máu).	Lần	22.400	9	201.600
2	Định lượng Urê [Máu]	Lần	22.400	9	201.600
3	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	22.400	9	201.600
4	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	22.400	9	201.600
5	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	28.000	9	252.000

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành Tiền
6	Định lượng Triglycerid [Máu]	Lần	28.000	9	252.000
7	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28.000	9	252.000
8	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28.000	9	252.000
9	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	22.400	9	201.600
10	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	22.400	9	201.600
IV	Xét nghiệm nước tiểu				
1	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Lần	28.600	9	257.400
V	Các thăm dò chức năng				
1	Điện tim thường	Lần	39.900	9	359.100
2	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số) 1 vị trí	Lần	77.300	9	695.700
3	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Lần	58.600	9	527.400
VI	Xét nghiệm vi sinh				
1	HAV Ab test nhanh	Lần	130.500	15	1.957.500
2	Soi phân tìm trứng giun, sán	Lần	45.500	15	682.500
3	Vi khuẩn nhuộm soi	Lần	74.200	15	1.113.000
VII	Chẩn đoán ung thư sớm				
1	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Lần	95.300	9	857.700
	Tổng Cộng: A + B + C				254.269.900

Tổng giá trị dự toán: **254.269.900** đồng. (Đơn giá đã bao gồm thuế và các chi phí khác)
 (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm đồng./.)

Phụ lục II

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 1231 /QĐ-CTCP397 ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Khám sức khoẻ cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026	Khám sức khoẻ cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ	254.269.900 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chỉ định thầu thông thường	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 06 năm 2026	Theo đơn giá cố định	Trong vòng 30 ngày	Không	Không

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm đồng)/.